

Bản án số: 11/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 4 - 2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Đào Thị Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Đình T, sinh năm 1977

Chị Lê Thị L, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Thọ C, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1983

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 2, xã Thọ C, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt: Anh T, chị L; vắng mặt: Anh Đ, chị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1- Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2023, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Đình T và chị Lê Thị L trình bày và đề nghị: Ngày 08/6/2023, anh chị cho vợ chồng cho anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H vay số tiền 456.000.000đ, thời hạn trả nợ ngày 8/7/2023. Trong giấy vay không ghi lãi suất, nhưng hai bên thoả thuận miệng lãi 1,5%/tháng. Anh T hỏi vay tiền để mua gỗ. Số tiền 456.000.000đ cho anh T vay ngày 08/6/2023 là tiền gốc. Anh T thoả thuận đồng ý vay nên đã viết và ký giấy vay tiền. Khi vay tiền, anh T nói vài ngày sẽ bán đất trả nợ. Sau đó đất hạ giá, vợ chồng anh T chưa bán được đất nên không trả tiền như đã thoả thuận.

Anh Lê Đình T và chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H phải trả số tiền gốc: 456.000.000đ và tiền lãi 1,5%/tháng từ ngày 08/6/2023 đến ngày 08/10/2023 là: 27.360.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về lãi suất, yêu cầu bị đơn trả lãi 10%/năm (0,833%/tháng) tính từ ngày quá hạn trả nợ ngày 09/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là hơn 9 tháng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi tròn 9 tháng: 456.000.000đ x 0,833%/tháng x 9 tháng = 34.186.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi: 490.186.000đ.

2- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đức T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Chị Phạm Thị H là vợ của anh T trình bày tại Bản tự khai ngày 21/02/2024, vợ chồng chị có vay của anh Lê Đình T và chị Lê Thị L số tiền 250.000.000đ để đầu tư mua gỗ và đất nhưng chưa trả được thì vợ chồng anh T cộng tiền gốc và tiền lãi T 456.000.000đ rồi viết giấy vay tiền vào ngày 08/6/2023, chị không biết mức lãi suất là bao nhiêu. Do kinh tế vợ chồng chị đang gặp khó khăn nên vợ chồng chị sẽ trả dần tiền nợ cho vợ chồng anh T.

3 - Ý kiến của kiểm sát viên tham gia tố tụng tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý thức chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, cung cấp tài liệu, chứng cứ, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 463, 466, 468 BLDS xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H phải trả cho anh Lê Đình T và chị Lê Thị L số tiền: 456.000.000 đồng và tiền lãi: 34.186.000đ. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền đã vay theo giấy vay tiền ngày 08/6/2023, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa. Căn cứ Điều 26, 35,39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

- Về phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên hòa giải hai lần không có lý do. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh bị đơn vắng mặt,

HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa mở lại lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét hợp đồng vay tiền: Giấy vay tiền ngày 08/6/2023, thể hiện nội dung: Anh Lê Đình T và chị Lê Thị L cho anh Nguyễn Đức T vay số tiền 456.000.000đ, không ghi lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 08/7/2023, có chữ ký của anh Nguyễn Đức T dưới chữ người vay tiền.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2024, Phạm Thị H là vợ của anh T thừa nhận vợ chồng chị có vay tiền của anh Lê Đình T và chị Lê Thị L chưa trả và nhận trách nhiệm trả nợ dân. Tuy nhiên, chị H khai chỉ vay số tiền 250.000.000đ để đầu tư mua gỗ và đất chưa trả được thì vợ chồng anh T cộng tiền gốc và tiền lãi T 456.000.000đ rồi viết giấy vay tiền vào ngày 08/6/2023. Ngày 21/02/2024, Tòa án đã ban hành thông báo gửi cho anh T và chị H yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền lãi cộng vào tiền gốc trong giấy vay tiền ngày 08/6/2023. Hết thời hạn thông báo, anh T và chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận lời khai của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và giấy vay tiền ngày 08/6/2023 mà nguyên đơn nộp cho Tòa án. Chị H không trực tiếp vay tiền nhưng chị H là vợ của anh T cũng thừa nhận vợ chồng chị có vay tiền của anh T và chị L để làm ăn kinh doanh gỗ và mua đất nên chị H và anh T cùng có nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay của anh T và chị L

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Hai bên đương sự ký kết hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng vay tiền lập ngày 08/6/2023 giữa vợ chồng anh T và anh T là hợp pháp, các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 116, 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng vợ chồng anh T và chị H không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 BLDS. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 456.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về lãi suất, yêu cầu bị đơn trả lãi suất 10%/năm (0,833%/tháng) tính từ ngày quá hạn trả nợ ngày 09/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là hơn 9 tháng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi tròn 9 tháng: $456.000.000đ \times 0,833\%/tháng \times 9 tháng = 34.186.000đ$ là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 BLDS nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H phải trả cho anh Lê Đình T và chị Lê Thị L số tiền gốc: 456.000.000 đồng và tiền lãi: 34.186.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi: 490.186.000đ (*Bốn trăm chín mươi triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T và chị L có đơn yêu cầu thi hành án thì anh Thiệu và chị Huyền còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 23.607.000đ (*Hai mươi ba triệu, sáu trăm linh bảy nghìn đồng*).

Trả lại cho anh Lê Đình T và chị Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.084.000đ (*Mười hai triệu, không trăm tám mươi tư nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2023/ 0002690 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

**TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 26 tháng 4 năm 2024
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Đào Thị Hiền.
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 64/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

Nguyên đơn: Anh Lê Đình T, sinh năm 1977
Chị Lê Thị L, sinh năm 1979
Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1983
Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn 2, xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Điều luật áp dụng: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H phải trả cho anh Lê Đình T và chị Lê Thị L số tiền gốc: 456.000.000 đồng và tiền lãi: 34.186.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi: 490.186.000đ (*Bốn trăm chín mươi triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T và chị L có đơn yêu cầu thi hành án thì anh Thiệu và chị Huyền còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí: Về án phí: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 23.607.000đ (*Hai mươi ba triệu, sáu trăm linh bảy nghìn đồng*).

Trả lại cho anh Lê Đình T và chị Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.084.000đ (*Mười hai triệu, không trăm tám mươi tư nghìn đồng*) theo biên lai số

AA/2023/ 0002690 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Anh

Đào Thị Hiền

Lê Thị Thu

